

Trà Cú, ngày 19 tháng 3 năm 2018

Số: 68/2018/QĐST - HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 98/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Thạch Thị Thanh T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Anh Lê Ngọc N, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Thạch Thị Thanh T và anh Lê Ngọc N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Thanh T và anh Lê Ngọc N thống nhất thuận tình ly hôn.

+ Về con chung tên Lê Ngọc Tú T, sinh ngày 27/8/2003, chị T và anh N thỏa thuận thống nhất như sau: Anh Lê Ngọc N tự nguyện giao con chung tên Lê Ngọc Tú T, sinh ngày 27/8/2003 (Đây cũng là nguyện vọng của cháu T được sống ở với mẹ) cho chị Thạch Thị Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng và chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Chị Thạch Thị Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm do thuộc đối tượng được miễn nộp toàn bộ tiền án phí điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Anh Lê Ngọc N phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

THẨM PHÁN

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THA huyện Trà Cú;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

(Đã Ký)

Sơn Thị Sô Tha